



Plugs for the world

Ổ cắm phích cắm công nghiệp



Vietnam

Hội nhập toàn cầu

Nổi tiếng và
được chứng
nhận quốc tế



Ổ cắm và phích cắm MENNEKES được biết đến trên toàn thế giới – với cam kết đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Hơn phân nửa tổng sản phẩm sản xuất được phục vụ cho thị trường quốc tế. Đó là lý do vì sao MENNEKES có mặt toàn cầu, với các văn phòng và đại diện ở trên hơn 90 quốc gia. Tất cả các ổ cắm, phích cắm đều được kiểm định bởi các đơn vị đăng kiểm độc lập, như Viện Kiểm định và Chứng nhận VDE, kết quả kiểm định đáp ứng theo quy trình CCA hoặc CB-II. Khi đó, sản phẩm sẽ được phục vụ ở các nước với ký hiệu tiêu chuẩn tương ứng phía dưới. Đối với ổ cắm và phích cắm cho thị trường Mỹ và Canada, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.



Argentina



Austria



Belgium



Canada



Croatia



Czech
Republic



Denmark



Finland



France



Germany



Great
Britain



Hungary



Italy



Netherlands



Norway



PR China



Poland



Russia



Slovakia



Spain



South
Africa



Sweden



Switzer-
land



USA

Không thể nhầm lẫn



Trụ sở Kirchhundem

Tên MENNEKES qua 75 năm được biết đến với các sản phẩm không thể nhầm lẫn trên thị trường thế giới.

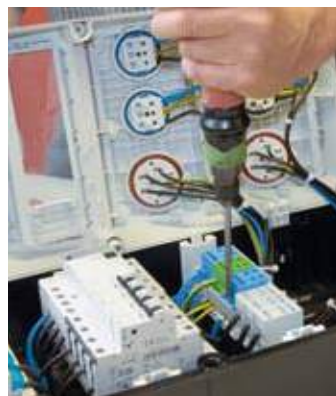
Mọi chuyên gia và khách hàng trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện đều biết: Chỉ những sản phẩm nào được đóng dấu MENNEKES sẽ mang chất lượng MENNEKES.

Chúng tôi cam kết về chất lượng và dịch vụ. Lời cam kết là một trong những lý do mà tên của công ty sở hữu gia đình này không hề thay đổi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi sống trên thương hiệu và biết ơn vì điều đó. Bạn có thể tin tưởng sản phẩm MENNEKES. Công ty hiện có hơn 800 nhân viên khắp toàn thế giới.

Thông qua hoạt động công việc hằng ngày, họ làm việc để chúng tôi cam kết với tên MENNEKES, cho dù là ở Đức, ở Anh hay ở bất cứ ở đâu trên thế giới.

Chất lượng, độ tin cậy, độ an toàn, sự đổi mới, tính cạnh tranh và tính bền vững cao nhất là những yếu tố tạo thành thương hiệu MENNEKES.

Sự đồng nhất giúp MENNEKES trở thành sự lựa chọn của đối tác lý tưởng, khách hàng và người sử dụng cuối cùng, trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy.



Chỉ có sự kết hợp giữa nguyên vật liệu hạng nhất và quy trình sản xuất tiên tiến mới bảo đảm cho ra những sản phẩm vượt trội. Đó là lý do vì sao chúng tôi chỉ sử dụng các loại hạt nhựa hạng nhất được xử lý bởi đội ngũ công nhân lành nghề để sản xuất ra các thành phẩm đạt chất lượng MENNEKES.

CEE Ổ cắm, phích cắm 16A đến 125A

63A: SoftCONTACT, 125A: TorsionSpringCONTACT

Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 1				
		A	P	110V	230V	400V
	16 3	1177	1178	—	—	—
	16 4	—	1267	1268	—	—
	16 5	—	—	1	—	—
	32 3	1368	1369	—	—	—
	32 4	1371	1372	1373	—	—
	32 5	—	—	2	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 3				
		A	P	110V	230V	400V
	16 3	—	—	—	—	—
	16 4	3030	3034	1418	—	—
	16 5	3041	3045	1419	—	—
	32 3	1420	1421	1422	—	—
	32 4	1423	1424	1425	—	—
	32 5	1555	1556	1557	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 5				
		A	P	110V	230V	400V
	16 3	1193	1192	1211	—	—
	16 4	1194	1195	1196	—	—
	16 5	1198	1199	1200	—	—
	32 3	1201	1202	1203	—	—
	32 4	1204	1205	1206	—	—
	32 5	1208	1209	1210	—	—

▲ IP 67

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 7				
		A	P	110V	230V	400V
	63 3	—	—	—	—	—
	63 4	—	—	—	—	—
	63 5	—	—	—	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	137	138	139	—	—
	125 5	141	142	143	—	—

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 9				
	thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
	16 3	1365	1366	1367	—	—
	16 4	1388	1389	1390	—	—
	16 5	1384	1386	1385	—	—
	32 3	1394	1395	1396	—	—
	32 4	1397	1398	1399	—	—
	32 5	3449	3454	3451	—	—

▲ IP 44

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 11				
	góc 20°	A	P	110V	230V	400V
	16 3	1462	1463	1464	—	—
	16 4	1465	1466	1467	—	—
	16 5	1471	1472	1473	—	—
	32 3	1491	1492	1493	—	—
	32 4	1494	1495	1496	—	—
	32 5	1498	1499	1500	—	—

▲ IP 44

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 13				
	thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
	63 3	1260A	1261A	1262A	—	—
	63 4	1246A	1247A	1248A	—	—
	63 5	1250A	1251A	1252A	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	—	—	—	—	—
	125 5	—	—	—	—	—

▲ IP 44

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 15				
	góc 20°	A	P	110V	230V	400V
	63 3	1146A	1147A	1148A	—	—
	63 4	1149A	1150A	1151A	—	—
	63 5	1153A	1154A	1155A	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	—	—	—	—	—
	125 5	—	—	—	—	—

▲ IP 44

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 17				
	góc 20°, standard flange: 85 x 85 mm, fixing hole spacing: 70 x 70 mm	A	P	110V	230V	400V
	16 3	3031	3036	—	—	—
	16 4	—	—	3072	—	—
	16 5	—	—	3093	—	—
	32 3	3110	3112	—	—	—
	32 4	—	—	3136	—	—
	32 5	—	—	3153	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 2				
		A	P	110V	230V	400V
	16 3	100	101	102	—	—
	16 4	103	104	105	—	—
	16 5	109	110	111	—	—
	32 3	—	—	—	—	—
	32 4	—	—	—	—	—
	32 5	—	—	—	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 4				
		A	P	110V	230V	400V
	63 3	1136A	1137A	1138A	—	—
	63 4	1139A	1140A	1141A	—	—
	63 5	1143A	1144A	1145A	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	—	—	—	—	—
	125 5	—	—	—	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 6				
		A	P	110V	230V	400V
	63 3	856	128A	129A	—	—
	63 4	130A	131A	132A	—	—
	63 5	134A	135A	136A	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	—	—	—	—	—
	125 5	—	—	—	—	—

▲ IP 67

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 8				
	không gian rộng để đầu nối dây bên trong	A	P	110V	230V	400V
	63 3	—	—	—	—	—
	63 4	—	—	—	—	—
	63 5	—	—	—	—	—
	125 3	—	—	—	—	—
	125 4	—	—	—	—	—
	125 5	—	—	—	—	2162

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 10				
	thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
	16 3	217A	218A	219A	—	—
	16 4	220A	221A	222A	—	—
	16 5	226A	227A	228A	—	—
	32 3	229A	230A	231A	—	—
	32 4	232A	233A	234A	—	—
	32 5	238A	239A	240A	—	—

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 12				
	góc 20°	A	P	110V	230V	400V
	16 3	1474	1475	1476	—	—
	16 4	1477	1478	1479	—	—
	16 5	1483	1484	1485	—	—
	32 3	1501	1502	1503	—	—
	32 4	1504	1505	1506	—	—
	32 5	1489	1490	1551	—	—

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 14				
	thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
	63 3	1263A	1264A	1265A	—	—
	63 4	1122A	1123A	1124A	—	—
	63 5	1126A	1127A	1128A	—	—
	125 3	—	3380	—	—	—
	125 4	1455	1456	1457	—	—
	125 5	1459	1460	1461	—	—

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 16				
	góc 20°	A	P	110V	230V	400V
	63 3	2179A	2180A	2181A	—	—
	63 4	203A	204A	205A	—	—
	63 5	207A	208A	209A	—	—
	125 3	—	3575	—	—	—
	125 4	210A	211A	212A	—	—
	125 5	214A	215A	216A	—	—

▲ IP 67

Ổ cắm gắn nổi		Hình vẽ 18				
	góc 20°, standard flange: 85 x 85 mm, fixing hole spacing: 70 x 70 mm	A	P	110V	230V	400V
	16 3	903	905	—	—	—
	16 4	—	—	1081	—	—
	16 5	—	—	1103	—	—
	32 3	3197	3200	—	—	—
	32 4	—	—	3254	—	—
	32 5	—	—	3524	—	—

▲ IP 67

CEE ổ cắm 16A và 32A ■ kỹ thuật kết nối không dùng vít TwinCONTACT

Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 19				
	tiếp xúc không vít	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1340	1341	—
		16	4	—	1342	1343
		16	5	—	—	31
		32	3	1345	1346	—
		32	4	—	1347	1348
		32	5	—	—	32
▲ IP 44						

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 3				
	tiếp xúc không vít	A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	1750	1751	418
		16	5	1755	1756	419
		32	3	1851	420	1852
		32	4	1855	1856	421
		32	5	1860	1861	422
▲ IP 44						

Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 20				
	tiếp xúc không vít, thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1667	1668	1669
		16	4	1672	1673	1674
		16	5	1678	1679	3385
		32	3	1786	1787	1788
		32	4	1789	1790	1791
		32	5	1795	1796	1797
▲ IP 44						

Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 22				
	tiếp xúc không vít, góc 20°	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1631	1632	1633
		16	4	1636	1637	1638
		16	5	1642	1643	3473
		32	3	1733	1734	1735
		32	4	1738	1739	1740
		32	5	1744	1745	1746
▲ IP 44						

Phích cắm gắn nổi RAPIDO®		Hình vẽ 24				
	tiếp xúc không vít, lỗ lắp ở giữa, đường kính 61 mm	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1132	997	—
		16	4	—	—	—
		16	5	—	—	—
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	—
▲ IP 44						

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 2				
	tiếp xúc không vít	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1719	1720	1721
		16	4	—	1723	1724
		16	5	—	1730	3331
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	—
▲ IP 44						

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 5				
	tiếp xúc không vít	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1867	241	1868
		16	4	1870	1871	242
		16	5	1875	1876	200
		32	3	1877	243	1878
		32	4	1879	1880	244
		32	5	1884	1885	245
▲ IP 67						

Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 21				
	tiếp xúc không vít, thẳng đứng	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1707	1708	1709
		16	4	1710	1711	1712
		16	5	1716	1717	1131
		32	3	1809	1810	1811
		32	4	1812	1813	1814
		32	5	1818	1819	1820
▲ IP 67						

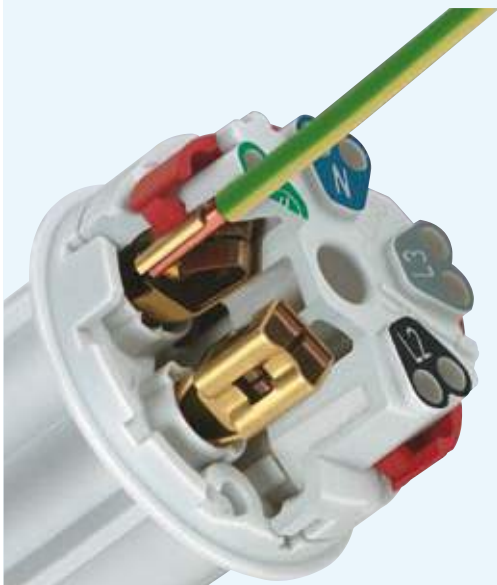
Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 23				
	tiếp xúc không vít, góc 20°	A	P	110V	230V	400V
		16	3	1700	1701	1702
		16	4	—	1703	1704
		16	5	—	—	3485
		32	3	1801	1802	1803
		32	4	—	1804	1805
		32	5	—	—	1808
▲ IP 67						

Phích cắm gắn nổi RAPIDO®		Hình vẽ 25				
	tiếp xúc có vít, lỗ lắp ở giữa, đường kính 70 mm	A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	1133	998
		16	5	—	—	907
		32	3	1135	987	—
		32	4	—	1166	988
		32	5	—	—	989
▲ IP 44						

TwinCONTACT

Kỹ thuật kết nối không dùng vít

Không cần vít, 2 đầu cắm cho phép tách thành 2 đường kết nối



RAPIDO®

Phích cắm RAPIDO® có thể sử dụng được với vít tiếp xúc hoặc tiếp xúc TwinCONTACT không vít

16A, 3p:

Lỗ đường kính 61 mm và tường dày từ 2 đến 5 mm.

16A, 4p + 5p and 32A:

Lỗ đường kính 70 mm và tường dày từ 2 đến 9 mm.



Phích cắm CEE 16A đến 125A

Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Phích cắm AM-TOP®		A	P	110V	230V	400V
	loại 1 mảnh, tiếp xúc có vít	16	3	247	248	249
		16	4	250	251	252
		16	5	256	257	3
		32	3	259	260	261
		32	4	262	263	264
		32	5	268	269	4

⚠ IP 44

Phích cắm StarTOP® với SafeCONTACT		A	P	110V	230V	400V
	kỹ thuật tiếp xúc cách điện không vít tách rời	16	3	947	948	—
		16	4	—	951	952
		16	5	—	—	33
		32	3	711	712	—
		32	4	—	717	719
		32	5	—	—	34

⚠ IP 44

Phích cắm AM-TOP®		A	P	110V	230V	400V
	loại 1 mảnh, tiếp xúc có vít	16	3	277	278	279
		16	4	280	281	282
		16	5	286	287	288
		32	3	289	290	291
		32	4	292	293	294
		32	5	298	299	300

⚠ IP 67

Phích cắm PowerTOP® Xtra		A	P	110V	230V	400V
	vùng cao su chịu được điều kiện khắc nghiệt	63	3	13201	13202	13203
		63	4	13204	13205	13206
		63	5	13210	13211	13212
		125	3	13215	13216	—
		125	4	13217	13218	13219
		125	5	13223	13224	13225

⚠ IP 67

Phích cắm gắn nổi RAPIDO®		A	P	110V	230V	400V
	tiếp xúc có vít, lỗ lắp ở giữa, đường kính 61 mm	16	3	919	924	—
		16	4	—	—	931
		16	5	—	—	949
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	—

⚠ IP 44

Phích cắm gắn tường		A	P	110V	230V	400V
		16	3	843	844	—
		16	4	—	—	800
		16	5	—	—	801
		32	3	—	802	—
		32	4	—	—	803
		32	5	—	—	804

⚠ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
	với nắp che	16	3	—	—	—
		16	4	392	393	394
		16	5	398	399	400
		32	3	401	402	403
		32	4	404	405	406
		32	5	410	411	412

⚠ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		16	3	810	812	—
		16	4	—	837	813
		16	5	—	—	815
		32	3	816	817	—
		32	4	—	838	819
		32	5	—	—	821

⚠ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		16	3	825	826	—
		16	4	—	839	827
		16	5	—	—	829
		32	3	830	831	—
		32	4	—	840	832
		32	5	—	—	834

⚠ IP 67

Phích cắm ProTOP		A	P	110V	230V	400V
	loại 2 mảnh, tiếp xúc có vít	16	3	147A	148A	149A
		16	4	—	151A	152A
		16	5	—	—	13A
		32	3	159	160	—
		32	4	—	163	164
		32	5	—	—	14A

⚠ IP 44

Phích cắm PowerTOP® Xtra		A	P	110V	230V	400V
	vùng cao su chịu được điều kiện khắc nghiệt	63	3	13101	13102	—
		63	4	—	13105	13106
		63	5	—	13111	13112
		125	3	—	—	—
		125	4	—	—	—
		125	5	—	—	—

⚠ IP 44

Phích cắm PowerTOP®		A	P	110V	230V	400V
	sử dụng ren	16	3	3794	3796	3799
		16	4	3807	3811	3809
		16	5	3819	3823	3821
		32	3	3829	3830	3832
		32	4	3839	3844	3841
		32	5	3851	3855	3853

⚠ IP 67

Phích cắm bề góc		A	P	110V	230V	400V
	*VarioTOP	16	3	1410	1411	—
		16	4	—	891	315
		16	5	3312	3981*	3980*
		32	3	—	3306	—
		32	4	—	3646	3987
		32	5	—	3424	3266

⚠ IP 44

Phích cắm gắn nổi RAPIDO®		A	P	110V	230V	400V
	tiếp xúc có vít, lỗ lắp ở giữa, đường kính 70 mm	16	3	—	—	—
		16	4	—	932	933
		16	5	—	—	972
		32	3	935	938	—
		32	4	—	939	942
		32	5	—	—	945

⚠ IP 44

Phích cắm gắn tường		A	P	110V	230V	400V
		16	3	331	332	333
		16	4	334	335	336
		16	5	340	341	342
		32	3	343	344	345
		32	4	346	347	348
		32	5	352	353	354

⚠ IP 44

Phích cắm gắn tường		A	P	110V	230V	400V
		63	3	1216	1107	1217
		63	4	355	356	357
		63	5	359	360	361
		125	3	—	—	—
		125	4	362	363	364
		125	5	366	367	368

⚠ IP 67

Phích cắm gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		63	3	822	1981	—
		63	4	—	1984	1982
		63	5	—	—	1688
		125	3	—	—	—
		125	4	—	—	—
		125	5	—	—	—

⚠ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		63	3	835	836	—
		63	4	—	3704	3656
		63	5	—	—	3658
		125	3	—	3665	—
		125	4	—	3413	3583
		125	5	—	—	1983

⚠ IP 67

Đầu nối CEE 16A đến 125A

63A: SoftCONTACT, 125A: TorsionSpringCONTACT
Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác.

Đầu nối AM-TOP®

loại 1 mảnh, tiếp xúc có vít	A	P	110V	230V	400V
	16	3	509	510	511
	16	4	512	513	514
	16	5	518	519	5
	32	3	521	522	523
	32	4	524	525	526
	32	5	530	531	6

⚠ IP 44

Đầu nối StarTOP® với SafeCONTACT

kỹ thuật tiếp xúc cách điện không vít tách rời	A	P	110V	230V	400V
	16	3	979	980	—
	16	4	—	993	994
	16	5	—	—	35
	32	3	725	731	—
	32	4	—	761	763
	32	5	—	—	36

⚠ IP 44

Đầu nối AM-TOP®

loại 1 mảnh, tiếp xúc có vít	A	P	110V	230V	400V
	16	3	539	540	541
	16	4	542	543	544
	16	5	548	549	550
	32	3	551	552	553
	32	4	554	555	556
	32	5	560	561	562

⚠ IP 67

Đầu nối PowerTOP® Xtra

vùng cao su chịu được điều kiện khắc nghiệt	A	P	110V	230V	400V
	63	3	14201	14202	14203
	63	4	14204	14205	14206
	63	5	14210	14211	14212
	125	3	14215	14216	—
	125	4	14217	14218	14219
	125	5	14223	14224	14225

⚠ IP 67

Đầu nối ProTOP

loại 2 mảnh, tiếp xúc có vít	A	P	110V	230V	400V
	16	3	179A	180A	181A
	16	4	—	193A	194A
	16	5	—	—	15A
	32	3	121	122	—
	32	4	—	125	126
	32	5	—	—	16A

⚠ IP 44

Đầu nối PowerTOP® Xtra

vùng cao su chịu được điều kiện khắc nghiệt	A	P	110V	230V	400V
	63	3	14101	14102	—
	63	4	—	14105	14106
	63	5	—	14111	14112
	125	3	—	—	—
	125	4	—	—	—
	125	5	—	—	—

⚠ IP 44

Đầu nối PowerTOP®

sử dụng ren	A	P	110V	230V	400V
	16	3	3859	3860	3862
	16	4	3869	3873	3871
	16	5	3879	3883	3881
	32	3	3887	3888	3891
	32	4	3896	3899	3897
	32	5	3905	3909	3907

⚠ IP 67

Đầu nối bề góc

	A	P	110V	230V	400V
	16	3	—	1438	—
	16	4	—	—	—
	16	5	—	—	—
	32	3	—	—	—
	32	4	—	—	—
	32	5	—	—	—

⚠ IP 44

PowerTOP® Xtra



SoftCONTACT



TorsionSpringCONTACT



PowerTOP® Xtra được sản xuất bằng loại nhựa tốt, giúp làm việc chắc chắn ngay cả trong điều kiện độ ẩm xấu. Khả năng nắm chắc ngay cả làm việc ở nhiệt độ cao, độ bít kín tuyến cáp, dùng ren chống xoắn. Bộ che ngoài được khóa chắc chắn, 2 vòng bảo vệ và tăng cường tiếp xúc bằng kim loại nikel. Tiếp xúc 63A với SoftCONTACT và 125A với TorsionSpringCONTACT.

StarTOP®



StarTOP® với SafeCONTACT, không cần bắt vít, cách ly cao, đầu siết cáp được bít kín, giảm sự căng dây, chống xoắn, 2 phần vỏ được kết nối bằng ren và chốt thanh trượt.



Ổ cắm công tắc CEE 16A đến 125A với khóa liên động cơ khí

63A: SoftCONTACT, 125A: TorsionSpringCONTACT. Receptacles can be padlocked.
Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 36				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7010A	7002A	—	—
	16	4	5457A	5099A	5100A	—
	16	5	5459A	5102A	5103A	—
	32	3	5743A	5696A	—	—
	32	4	5460A	5104A	5105A	—
	32	5	5462A	5107A	5108A	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 38				
		A	P	110V	230V	400V
	63	3	6569	6571	—	—
	63	4	—	5955A	5956A	—
	63	5	—	—	5959A	—
	125	3	—	—	—	—
	125	4	—	—	—	—
	125	5	—	—	—	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 40				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7602	7603	—	—
	16	4	—	7604	7605	—
	16	5	—	—	7607	—
	32	3	7611	7612	—	—
	32	4	—	7613	7614	—
	32	5	—	—	7616	—

Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 42				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7502	7503	—	—
	16	4	—	7504	7505	—
	16	5	—	—	7507	—
	32	3	7511	7512	—	—
	32	4	—	7513	7514	—
	32	5	—	—	7516	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 44				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	—	7213	—	—
	16	4	—	—	5610A	—
	16	5	—	—	5613A	—
	32	4	—	—	5615A	—
	32	5	—	—	5618A	—
	63	4	—	—	6059A	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 44				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	—	7216	—	—
	16	4	—	—	7217	—
	16	5	—	—	7218	—
	32	4	—	—	7219	—
	32	5	—	—	7220	—
	63	4	—	—	7221	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 37				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7011A	7012A	—	—
	16	4	—	5599A	5600A	—
	16	5	—	5602A	5603A	—
	32	3	5924A	5793A	—	—
	32	4	—	5604A	5605A	—
	32	5	—	5607A	5608A	—

Phích cắm gắn tường		63A: Hình vẽ 39 / 125A: Hình vẽ 65				
		A	P	110V	230V	400V
	63	3	5925A	5911A	—	—
	63	4	—	5109A	5110A	—
	63	5	—	5112A	5113A	—
	125	3	7060	7000	—	—
	125	4	—	5887A	5691A	—
	125	5	—	5888A	5692A	—

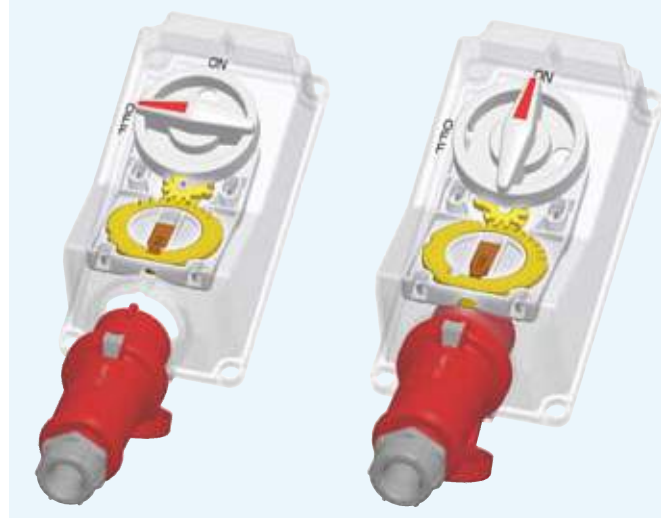
Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 41				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7620	7621	—	—
	16	4	—	7623	7624	—
	16	5	—	—	7626	—
	32	3	7628	7629	—	—
	32	4	—	7633	7634	—
	32	5	—	—	7636	—

Phích cắm gắn nổi		Hình vẽ 43				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	7520	7521	—	—
	16	4	—	7523	7524	—
	16	5	—	—	7526	—
	32	3	7530	7531	—	—
	32	4	—	7533	7534	—
	32	5	—	—	7536	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 45				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	—	7050	—	—
	16	4	—	—	5630A	—
	16	5	—	—	5633A	—
	32	4	—	—	5635A	—
	32	5	—	—	5638A	—
	63	4	—	—	5640A	—

Phích cắm gắn tường		Hình vẽ 45				
		A	P	110V	230V	400V
	16	3	—	7238	—	—
	16	4	—	—	7239	—
	16	5	—	—	7240	—
	32	4	—	—	7241	—
	32	5	—	—	7242	—
	63	4	—	—	7243	—

Khóa liên động cơ khí



Sau khi cắm phích cắm vào và chuyển công tắc sang vị trí ON, phích cắm sẽ bị giữ chặt ở trạng thái kết nối với ổ cắm.

Sau khi chuyển công tắc sang vị trí OFF và rút phích cắm ra, công tắc sẽ được giữ chặt ở trạng thái OFF



Phích cắm đảo pha CEE, ổ cắm và phích cắm điện áp thấp

Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Phích cắm đảo pha AM-TOP®		A	P	110V	230V	400V
	single part body, screw terminals	16	3	—	—	—
		16	4	—	338	339
		16	5	—	318	319
		32	3	—	—	—
		32	4	—	396	397
		32	5	—	321	322

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha ProTOP		A	P	110V	230V	400V
	split body, screw terminals	16	3	—	—	—
		16	4	—	—	—
		16	5	—	—	3319A
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	3322

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha gắn tường		A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	—	—
		16	5	—	—	3517
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	3523

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	3348	3350
		16	5	—	—	20970
		32	3	—	—	—
		32	4	—	3355	3356
		32	5	—	3717	21241

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha gắn nổi		A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	—	—
		16	5	—	—	854
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	—

▲ IP 44

Phích cắm gắn tường		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	1825	1831	—
		16	3	1832	1837	1835
		32	2	1838	1844	—
		32	3	1845	1850	1848

▲ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	603	604	—
		16	3	610	611	612
		32	2	616	617	—
		32	3	623	624	625

▲ IP 44

Phích cắm		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	629A	630A	—
		16	3	636A	637A	638A
		32	2	642A	643A	—
		32	3	649A	650A	651A

▲ IP 44

Đầu nối		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	681A	682A	—
		16	3	688A	689A	690A
		32	2	694A	695A	—
		32	3	701A	702A	703A

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha AM-TOP®		A	P	110V	230V	400V
	single part body, screw terminals	16	3	—	—	—
		16	4	—	3338	3339
		16	5	—	—	325
		32	3	—	—	—
		32	4	—	3340	3341
		32	5	—	327	328

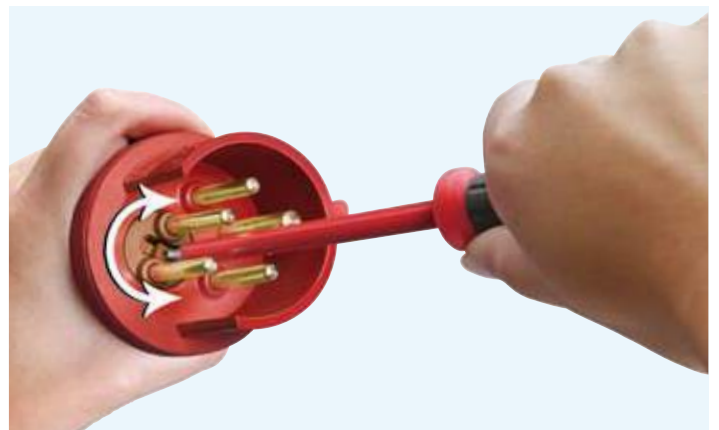
▲ IP 67

Phích cắm đảo pha VarioTOP		A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	—	—
		16	5	—	—	859
		32	3	—	—	—
		32	4	—	—	—
		32	5	—	—	—

▲ IP 44

Phích cắm đảo pha gắn tường		A	P	110V	230V	400V
		16	3	—	—	—
		16	4	—	3342	3343
		16	5	—	—	2511
		32	3	—	—	—
		32	4	—	3345	3346
		32	5	—	3347	2478

▲ IP 44



Phích cắm gắn tường		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	577	578	—
		16	3	584	585	586
		32	2	590	591	—
		32	3	597	598	599

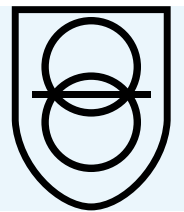
▲ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	1270	2855	—
		16	3	2845	1272	2860
		32	2	1271	2864	—
		32	3	2870	1273	2852

▲ IP 44

Phích cắm gắn nổi		A	P	20-25V 50 a. 60 Hz	40-50V 50 a. 60 Hz	20-25V/ 40-50V 100-200 Hz
		16	2	1955	1961	—
		16	3	1962	1967	1965
		32	2	1968	1974	—
		32	3	1975	1980	1978

▲ IP 44



Phích cắm và ổ cắm CEE 7 đầu

Có thể yêu cầu Điện áp và Tần số khác. Hình vẽ và kích thước xem trang 20 - 25.

Wall mounted receptacle		Hình vẽ 52				
		A	P	230V	400V	500V
	16	7		733	734	1035
	32	7		735	736	1040

▲ IP 44

Panel mounted receptacle		Hình vẽ 11				
góc 20°		A	P	230V	400V	500V
	16	7		737	738	1045
	32	7		739	740	1050

▲ IP 44

Plug AM-TOP®						
loại 1 mạnh, tiếp xúc có vít		A	P	230V	400V	500V
	16	7		741	742	1055
	32	7		743	744	1060

▲ IP 44

Wall mounted inlet		Hình vẽ 54				
		A	P	230V	400V	500V
	16	7		—	2166	—
	32	7		—	2167	—

▲ IP 44

Connector AM-TOP®						
loại 1 mạnh, tiếp xúc có vít		A	P	230V	400V	500V
	16	7		745	746	1065
	32	7		747	748	1070

▲ IP 44

Wall mounted receptacle		Hình vẽ 56				
với khóa liên động cơ khí DUO, 3 đầu chuyển, có thể khóa		A	P	230V	400V	500V
	16	7		—	5536	—
	32	7		—	7061	—

▲ IP 44

Wall mounted receptacle		Hình vẽ 53				
		A	P	230V	400V	500V
	16	7		3240	2746	3262
	32	7		2818	2648	2782

▲ IP 67

Panel mounted receptacle		Hình vẽ 12				
góc 20°		A	P	230V	400V	500V
	16	7		2883	2459	2296
	32	7		—	2317	2212

▲ IP 67

Plug AM-TOP®						
loại 1 mạnh, tiếp xúc có vít		A	P	230V	400V	500V
	16	7		3776	3777	3913
	32	7		2405	2324	2213

▲ IP 67

Panel mounted inlet		Hình vẽ 55				
		A	P	230V	400V	500V
	16	7		749	750	1075
	32	7		751	752	1080

▲ IP 44

Connector AM-TOP®						
loại 1 mạnh, tiếp xúc có vít		A	P	230V	400V	500V
	16	7		3783	3916	3784
	32	7		2406	2255	2460

▲ IP 67

Wall mounted receptacle		Hình vẽ 57				
với khóa liên động cơ khí DUO, 3 đầu chuyển, có thể khóa		A	P	230V	400V	500V
	16	7		—	5785	—
	32	7		—	6106	—

▲ IP 67

Đầu nối và ổ cắm loại 7 cực cho các ứng dụng đa chức năng

Cung cấp giải pháp phục vụ yêu cầu ứng dụng đa chức năng trong công nghiệp, nông trại và thương mại.

Số lượng các cực cho phép ứng dụng trong giải pháp:

- Khởi động dạng star-delta
- Điều khiển vòng kín (closed loop)
- Điều khiển vòng mở (open loop)
- Giám sát
- Phát hiện và cảnh báo
- Xóa cảnh báo
- Khóa liên động bằng điện



Made in Germany



MENNEKES®

Plugs for the world

MENNEKES

Elektrotechnik GmbH & Co. KG
Industrial plugs and sockets

Aloys-Mennekes-Str. 1

D-57399 Kirchhundem / Germany
+ 49 (0) 27 23 / 41-2 14

E-Mail info@MENNEKES.de
Internet www.MENNEKES.de

Cập nhật tài liệu và danh mục sản phẩm. Tải về các phiên bản mới nhất của chúng tôi ở trang web dưới dạng PDF hoặc vui lòng gửi yêu cầu qua điện thoại hoặc email.



AMAXX® Evolution.

Bộ liên hợp ổ cắm dùng trong năng lượng, ổ cắm mạng Ethernet và Tự động hóa.



PowerTOP® Xtra.

Phích cắm và đầu nối cho các môi trường làm việc khắc nghiệt.



Screwless connections.

Phích cắm CEE, đầu nối và ổ cắm.



MENNEKES catalogue.



Phân phối.

Treo trần, tường và sàn.
Dùng trong năng lượng, trung tâm dữ liệu, khí nén và đèn.



Phích cắm ổ cắm dùng cho containers.

Trên tàu và tại các bến cảng.



Dùng trong tổ chức sự kiện và giải trí

Phích cắm và ổ cắm sử dụng cho TV, radio và các sự kiện ngoài trời.

Thông tin chi tiết, xin liên hệ

www.MENNEKES.de

Yêu cầu brochure qua điện thoại

+49 (0) 27 23 / 41-1

Yêu cầu brochure qua email

service@MENNEKES.de

info@MENNEKES.com.vn

Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com

**Service by
MENNEKES®.**
Always well informed.